BÀI GIẢNG: MỆNH ĐỀ QUAN HỆ

CHUYÊN ĐỀ: NGỮ PHÁP

MÔN TIẾNG ANH - LỚP 12

BIÊN SOẠN: CÔ GIÁO: NGUYỄN THỊ HOÀI THU

MỤC TIÊU

- Củng cố kiến thức về mệnh đề quan hệ
- Rèn luyện kĩ năng xử lý các dạng bài tập
- Làm quen với cấu trúc đề thi thật các năm

(ID: 530382): Chọn the correct anwer

Question 1: She gives her children everything _____they want.

A. that **B.** who **C.** whom **D.** what

Question 2: Tell me _____ you want and I will try to help you.

A. that **B.** what **C.** who **D.** which

Question 3: The place _____ we spent our holiday was really beautiful.

A. what **B.** who **C.** where **D.** which

Question 4: What was the name of the girl _____ passport was stolen?

A. whose **B.** who **C.** which **D.** when

Question 5: Lady Astor was the first woman _____ her seat in Parliament.

A. who take **B.** whom took **C.** that took **D.** which takes

Question 6: The house _____ walls and roof are made of glass is a green house.

A. which **B.** that **C.** whose **D.** how

Question 7: You don't tell us the reason _____ we have to cut down on our daily expenses.

A. which **B.** it **C.** what **D.** why

Question 8: The students don't know how to do the exercise _____ was given by the teacher yesterday.

A. which **B.** who **C.** whom **D.** whose

Question 9: Those envelops, _____ are lying on the table, have no stamps on them.

A. that **B.** which **C.** who **D.** whom

Question 10: What was the name of the people _____ car had broken down.

A. which **B.** who **C.** who **D.** whose

Question 11: The hall _____ you're giving your talk has a really good sound system.

A. what **B.** that **C.** where **D.** which

Question 12: My grandmother, _____ is old and sick, never goes out of the house.

A. who **B.** whom **C.** that **D.** which

Question 13: The reason _____ I phoned him was to invite him to my birthday party.

A. what **B.** whose **C.** why **D.** which

Question 14: She told me her address _____ I wrote on a piece of paper.

A.what **B.** which **C.** when **D.** where

Question 15: They needed more space, _____ is why they moved house.

A. that **B.** which **C.** when **D.** where

Question 16: Mexico City, _____ is the fastest growing city in the world, has a population of over 10 million.

A. what **B.** which **C.** that **D.** where

Question 17: It was in this village _____ I was born and grew up.

A. which **B.** where **C.** that **D.** when

Question 18: Completed in 1756, Nassau Hall is one of the oldest building _____now stands on the campus of Princeton University.

A. that **B.** which **C.** who **D.** whom

Question 19: She is the woman _____ sister looks after the baby for us.

A. who **B.** whom **C.** that **D.** whose

Question 20: It was your carelessness _____ caused the accident.

A. who **B.** whom **C.** that **D.** which

Question 21: The Massachusetts State House, _____ was completed in 1798, was the most distinguished building in the United States at that time.

A. that **B.** which **C.** when **D.** what

Question 22: The parcel arrived in the post at 11 a.m _____ I was still at work.

A. that **B.** which **C.** when **D.** where

Question 23: It was not until she took her dark glasses off _____ I recognized her.

A. which **B.** when **C.** that **D.** who

Question 24: My friend decided to quit her job, _____surprised me a lot.

A. that **B.** when **C.** which **D.** who

Question 25: They have just found the couple and their car _____ were swept away during the heavy storm last week.

A. that **B.** which **C.** whose **D.** when

Question 26: It was the worst winter _____ anyone could remember.

A. when **B.** that **C.** where **D.** why

Question 27: There is nothing _____I cannot do for you.

A. which **B.** that **C.** who **D.** whom

Question 28: Shirley has a 17-year-old daughter _____ ambition is to be a photographer.

A. that **B.** whose **C.** who **D.** whom

Question 29: That was the week _____ we booked our holiday.

A. that **B.** which **C.** when **D.** where

Question 30: It was not until eleven o'clock _____the film ended.

A. that **B.** which **C.** whose **D.** when

Question 31: The Taj Mahal _____is recognized as one of the wonders of the world, was built by an Indian King in memory of his beloved wife.

A. which **B.** that **C.** where **D.** what

Question 32: She is going to sell the business, _____is a great shame.

A. that **B.** which **C.** it is **D.** what

Question 33: I have two sisters, _____are very good at computer science.

A. who **B.** whom **C.** both of them **D.** both of whom

Question 34: He told her not to eat it, _____that there was a risk of food poisoning.

A. explaining **B.** explained **C.** to explain **D.** he explained

Question 35: I enjoyed talking to the people _____I had dinner last night.

A. with whom **B.** whom with **C.** with who **D.** who with

Question 36: The artist, _____painting you bought, is a classmate of mine.

A. whom **B.** whose **C.** from whose **D.** from whom

Question 37: Those _____to join our club must fill in this form first.

A. when tried **B.** if wanting **C.** who want **D.** if they want

Question 38: Mrs. Hoa, _____son is studying at the University of Law, is a farmer.

A. who **B.** whose **C.** whom **D.** her

Question 39: Louis Pasteur, _____discovered a cure for rabies, was a French scientist.

A. he **B.** that **C.** who **D.** whom

Question 40: Some of the boys _____didn't come.

A. whom I invited them **B.** I invited them **C.** I invited **D.** when I invited

Question 41: The preservation of ancient sites and historical buildings is a job _____requires a person ready to fight a long battle.

A. whose **B.** which **C.** of which **D.** what

Question 42: The restaurant _____Bob recommended was too expensive.

A. which it **B.** that **C.** where **D.** at which

Question 43: Mexico City, _____is the capital of Mexico, is a cosmopolitan city.

A. which **B.** that **C.** where **D.** what

Question 44: We went to different places _____you find people _____language was hard to understand.

A. where - which **B.** where — whose

C. that - whose **D.** which - whose

Question 45: We came within sight of Everest, _____has attracted so many climbers.

A. the summit of which **B.** which the summit

C. whose summit of **D.** of which the summit

Question 46: The manager called in my new colleagues, _____I had already met.

A. one of who **B.** one or two of whom

C. both of them **D.** all of them

Question 47: A skilled workforce is essential, _____why our training course program is so important.

A. that is **B.** which **C.** which is **D.** this is

Question 48: The police have to try to catch the men _____drive dangerously.

A. who **B.** whom **C.** they **D.** which

Question 49: They are the people _____houses were destroyed by the flood.

A. their **B.** whose **C.** what **D.** which

Question 50: I read about the child _____life was saved by her pet dog.

A. whom **B.** who **C.** her **D.** whose

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT
THỰC HIỆN BỞI BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM
BẢNG ĐÁP ÁN

1. D	2. A	3. B	4. C	5. A	6. C	7. C	8. D	9. A	10. B
11. D	12. C	13. A	14. C	15. B	16. B	17. B	18. B	19. A	20. D
21. C	22. B	23. C	24. C	25. C	26. A	27. B	28. B	29. B	30. C
31. A	32. A	33. B	34. D	35. A	36. A	37. B	38. C	39. B	40. C
41. C	42. B	43. B	44. A	45. B	46. A	47. B	48. C	49. A	50. B

1 (TH)
Kiến thức: Mệnh đề quan hệ
Giải thích:
Chỗ trống cần điền là đại từ quan hệ "that" bổ sung ý nghĩa cho từ "everything"
Tạm dịch: Cô ấy cho con cái mọi thứ chúng muốn
Chọn A.
2 (TH)
Kiến thức: Mệnh đề danh từ
Giải thích:
Tell (v) => sau động từ "tell" cần một danh từ/mệnh đề danh từ bổ nghĩa
You want – cụm này chưa đủ nghĩa => cần dùng "what" (bạn muốn cái gì)
Tạm dịch: Nói với tôi bạn muốn gì và tôi sẽ giúp bạn
Chọn B.
3 (TH)
Kiến thức: Phân biệt "which"/ "where"
Giải thích:
Đứng sau danh từ chỉ địa điểm
- giới từ + which + S + V
- which + V
- where + S +V
=> chỗ trống cần điền là "where"
Tạm dịch: Nơi mà chúng tôi đanh thời gian nghỉ dưỡng thì rất đẹp
Chọn C.
4 (TH)
Kiến thức: Đại từ quan hệ
Giải thích:
Chỗ trống cần điền là đại từ sở hữu "whose"
Mẹo: N + ____+ N + V
Tạm dịch: Tên của cô gái người mà có hộ chiếu bị ăn trộm
Chọn A.
5 (TH)
Kiến thức: Đại từ quan hệ
Giải thích:
"was" => ngữ cảnh quá khứ => loại A,D
"whom" đi sau nó S+ V => loại B
Tạm dịch: Bà Astor là người phụ nữ đầu tiên có ghế trong Quốc hội

Chọn C.

6 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Chỗ trống cần điền là đại từ sở hữu "whose"

Mẹo: N + ___+ N + V

Tạm dịch: Ngôi nhà mà có tường và mái được làm bằng thủy tinh thì gọi là nhà kính

Chọn C.

7 (TH)

Kiến thức: Trạng từ quan hệ

Giải thích:

The reason why + S + V: lý do mà…

Tạm dịch: Bạn không nói cho chúng tôi biết lý do tại sao mà chúng tôi phải cắt giảm chi phí sinh hoạt hàng ngày

Chọn D.

8 (NB)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

"which" bổ sung nghĩa cho danh từ "the exercise" và đứng làm chủ ngữ

Tạm dịch: Học ính không biết phải làm bài tập này như nào cái mà được giao bởi giáo viên ngày hôm qua

Chọn A.

9 (NB)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

"which" bổ sung nghĩa cho danh từ "these envelops" và đứng làm chủ ngữ

Tạm dịch: Những phong thứ, cái mà được đặt trên bàn, thì không có tem ở trên

Chọn B.

10 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Chỗ trống cần điền là đại từ sở hữu "whose"

Mẹo: N + ___+ N + V

Tạm dịch: Tên của người mà xe của anh ta bị hỏng là gì?

Chọn D.

11 (TH)

Kiến thức: Phân biệt "which"/ "where"

Giải thích:

Đứng sau danh từ chỉ địa điểm

- giới từ + which + S + V
- which + V
- where + S +V

=> chỗ trống cần điền là "where"

Tạm dịch: Khán phòng nơi mà bạn đứng trình bày bài nói có hệ thống âm thanh rất tốt

Chọn C.

12 (TH)

Kiến thức: Phân biệt who/whom

Giải thích:

Who + V
Who + S + V
Whom + S +V
=> who có thể đứng làm chủ ngữ hoặc tân ngữ nhưng whom chỉ có thể làm tân ngữ
Tạm dịch: Bà của tôi, người mà già ốm, không bao giờ ra khỏi nhà
Chọn A.
13 (TH)
Kiến thức: Trạng từ quan hệ
Giải thích:
The reason why + S + V: lý do mà…
Tạm dịch: Lý do mà tôi gọi anh ta là vì để mời anh ta đến bữa tiệc sinh nhật của tôi
Chọn C.
14 (NB)
Kiến thức: Đại từ quan hệ
Giải thích:
Đại từ "which" bổ sung ý nghĩa cho danh từ "address" và làm tân ngữ
Tạm dịch: Cô ấy nói với tôi địa chỉ nhà của cô ấy cái mà tôi viết lên giấy
Chọn B.
15 (TH)
Kiến thức: Trạng từ quan hệ
Giải thích:
"which" bổ sung nghĩa cho mệnh đề phía trước (they need more space)
Tạm dịch: Họ cần không gian, điều này chính là lý do tại sao họ chuyển nhà
Chọn B.
16 (TH)
Kiến thức: Phân biệt "which"/ "where"
Giải thích:
Đứng sau danh từ chỉ địa điểm
- giới từ + which + S + V
- which + V
- where + S +V
=> chỗ trống cần điền là "which"
Tạm dịch: Thành phố Mexico, là thành phố có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới, có dân số trên 10 triệu người
Chọn B.
17 (TH)
Kiến thức: Phân biệt "which"/ "where"
Giải thích:
Đứng sau danh từ chỉ địa điểm
- giới từ + which + S + V
- which + V
- where + S +V
=> chỗ trống cần điền là "where"
Tạm dịch: Đó là ngôi làng nơi mà tôi sinh ra và lớn lên
Chọn B.
18 (TH)
Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:
Dùng "that" sau danh từ mà trước nó tính từ ở dạng so sánh nhất
Tạm dịch: Được hoàn thành vào năm 1756, Nassau Hall là một trong những tòa nhà lâu đời đời nhất nằm trong khuôn viên trường Đại học Princeton
Chọn A.
19 (TH)
Kiến thức: Đại từ quan hệ
Giải thích:
Chỗ trống cần điền là đại từ sở hữu "whose"
Mẹo: N + ___ + N + V
Tạm dịch: Cô ấy là người phụ nữ người mà có em gái chăm sóc con cho họ
Chọn D.
20 (TH)
Kiến thức: Câu chẻ nhấn mạnh
Giải thích:
It + be + thành phần nhấn mạnh + that/who/whom + (S) + V
Tạm dịch: Đó là sự bất cẩn của bạn đã gây ra vụ tai nạn
Chọn C.
21 (TH)
Kiến thức: Đại từ quan hệ
Giải thích:
Đại từ "which" bổ sung ý nghĩa cho danh từ "The Massachusetts State House" và làm chủ ngữ
Tạm dịch:
Tòa nhà Bang Massachusetts, nơi được hoàn thành vào năm 1798, là tòa nhà nổi bật nhất ở Hoa Kỳ vào thời điểm đó.
Chọn B.
22 (TH)
Kiến thức: Trạng từ quan hệ
Giải thích:
Trạng từ "when" bổ sung ý nghĩa cho từ chỉ thời gian
Từ chỉ thời gian + when + S +V
Tạm dịch: Bưu kiện đến bưu điện lúc 11 giờ sáng khi mà tôi vẫn đang làm việc.
Chọn C.
23 (TH)
Kiến thức: Câu chẻ nhấn mạnh
Giải thích:
It was not until + S + V + that + S + V: mãi ..cho đến khi
= Not until + S + V aux + S+ V
Tạm dịch: Mãi cho đến khi cô ấy bỏ kính xuống thì tôi mới nhận ra cô ấy
Chọn C.
24 (TH)
Kiến thức: Trạng từ quan hệ
Giải thích:
"which" bổ sung nghĩa cho mệnh đề phía trước (My friend decided to quit her job)
Tạm dịch: Bạn của tôi quyết định bỏ công việc, điều này làm tôi ngạc nhiên
Chọn C.

25 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Dùng "that" để bổ sung ý nghĩa cho danh từ chỉ người (the couple) và chỉ vật (their car)

Tạm dịch: Chúng tôi vừa phát hiện một cặp đôi và xe của họ bị bão cuốn đi tuần trước

Chọn A.

26 (TH)

Kiến thức: Câu chẻ nhấn mạnh

Giải thích:

It + be + thành phần nhấn mạnh + that/who/whom + (S) + V

Tạm dịch: Đó là nhà văn tệ nhất mà bất kì ai cũng ghi nhớ

Chọn B.

27 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Dùng "that" sau các đại từ bất định (nothing, no one, someone, something, anyone, anything…)

Tạm dịch: Không có cái gì là anh không thể làm cho em

Chọn B.

28 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Chỗ trống cần điền là đại từ sở hữu "whose"

Mẹo: N + ___+ N + V

Tạm dịch: Shirley có con gái 17 tuổi mà hoài bão của nó là trở thành nhiếp ảnh gia

Chọn B.

29 (TH)

Kiến thức: Trạng từ quan hệ

Giải thích:

Trạng từ "when" bổ sung ý nghĩa cho từ chỉ thời gian

Từ chỉ thời gian + when + S +V

Tạm dịch: Đó là cái tuần mà chúng ta đã đặt lịch nghỉ

Chọn C.

30 (TH)

Kiến thức: Câu chẻ nhấn mạnh

Giải thích:

It was not until + S + V + that + S + V: mãi ..cho đến khi

= Not until + S + V aux + S+ V

Tạm dịch: Mãi đến 11h thì phim mới kết thúc

Chọn A.

31 (TH)

Kiến thức: Phân biệt "which"/ "where"

Giải thích:

Đứng sau danh từ chỉ địa điểm

- giới từ + which + S + V
- which + V
- where + S +V

=> chỗ trống cần điền là "which"

Tạm dịch: The Taj Mahal là nơi được công nhận là một trong những kì quan của thế giới, được xây dựng bởi vua Ấn Độ trọng sự tưởng nhớ người vợ thân yêu

Chọn A.

32 (TH)

Kiến thức: Trạng từ quan hệ

Giải thích:

"which" bổ sung nghĩa cho mệnh đề phía trước (She is going to sell the business)

Tạm dịch: Cô ấy bán đi doanh nghiệp, điều này thật xấu hổ

Chọn B.

33 (VD)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Sau các từ chỉ lượng

+ nếu đi với đại từ tân ngữ (her/them/him…) => khi nối 2 câu

+ nếu đi với đại từ quan hệ (whom/which) => khi nối 2 mệnh đề

Tạm dịch: Tôi có 2 chị gái, cả hai đều rất giỏi về khoa học máy tính

Chọn D.

34 (TH)

Kiến thức: Rút gọn mệnh đề

Giải thích:

Dùng phân từ hiện tại dạng V-ing để rút gọn mệnh đề quan hệ dạng chủ động (chủ ngữ "he" là người thực hiện hành động "told" và "explain"

Tạm dịch: Anh ấy bảo cô ấy không ăn nói, và giải thích rằng có khả năng ngộ độc thực phẩm

Chọn A.

35 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Câu gốc: I enjoyed talking to the people whom I had dinner with last night

Trong văn phong trang trọng, đảo giới từ lên trước "whom"

Lưu ý: giới từ + which/whom => loại C, D

Tạm dịch: Tôi thích nói chuyện với những người mà tôi ăn tối hôm qua cùng

Chọn A.

36 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Chỗ trống cần điền là đại từ sở hữu "whose"

Mẹo: N + ___+ N + V

Tạm dịch: Người họa sĩ, mà bức tranh bạn đã mua của họ, là bạn học cùng lớp của tôi

Chọn B.

37 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Those = those people => dùng đại từ "who"

Tạm dịch: Những người mà muốn tham gia câu lạc bộ phải điền vào bảng trước

Chọn C.

38 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Chỗ trống cần điền là đại từ sở hữu "whose"

Mẹo: N + ___+ N + V

Tạm dịch: Cô Hoa, con trai của cô ấy đang học ở Đại học Luật, là người nông dân

Chọn B.

39 (TH)

Kiến thức: Phân biệt who/whom

Giải thích:

Who + V

Who + S + V

Whom + S +V

=> who có thể đứng làm chủ ngữ hoặc tân ngữ nhưng whom chỉ có thể làm tân ngữ

Tạm dịch: Louis Pasteur, người mà phát hiện ra cách chữa bệnh dại, là nhà khoa học người Pháp

Chọn C.

40 (TH)

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

Giải thích:

Không dùng đại từ tân ngữ trong mệnh đề quan hệ nữa (vì đã dùng đại từ quan hệ để thay thế danh từ rồi)

Tạm dịch: Một vài cậu bé mà tôi mời đã không đến

Chọn C.

41 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Đại từ "which" thay thế cho danh từ "a job" và làm chủ ngữ

Tạm dịch: Việc bảo tồn các di tích cổ và các tòa nhà lịch sử là một công việc đòi hỏi một người sẵn sàng chiến đấu trong một trận chiến lâu dài.

Chọn B.

42 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Dùng "which/that" thay thế cho danh từ chỉ vật

Tạm dịch: Nhà hàng cái mà Bob giới thiệu quá đắt.

Chọn B.

43 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hê

Giải thích:

Dùng "which" để thay thế cho danh từ chỉ khái niệm cụ thể

Tạm dịch: Thành phố Mexico, là thủ đô của Mexico, là thành phố quốc tế

Chọn A.

44 (VD)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Dùng đại từ "where" để thay thế cho danh từ "place" và đại từ "whose" để chỉ sự sở hữu

Tạm dịch: Chúng tôi đi nhiều địa điểm nơi mà bạn tìm thấy ngôn ngữ của họ rất khó hiểu

Chọn B.

45 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Khi chỉ sự sở hữu của vật => không dùng "whom" mà sẽ dùng N + of + which

Tạm dịch: Chúng tôi đã đến Everest, cái đỉnh của nó có đã thu hút rất nhiều người leo núi

Chọn A.

46 (VD)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Sau các từ chỉ lượng

+ nếu đi với đại từ tân ngữ (her/them/him…) => khi nối 2 câu

+ nếu đi với đại từ quan hệ (whom/which) => khi nối 2 mệnh đề

Tạm dịch: Quản lý đã gọi 2 đồng nghiệp mới của tôi, một trong 2 người họ tôi đã gặp trước đây

Chọn B.

47 (TH)

Kiến thức: Trạng từ quan hệ

Giải thích:

Dùng "which" để thay thế cho mệnh đề "a skilled workforce is essential"

Tạm dịch: Lực lượng lao động có kĩ năng là rất cần thiết, đó là lý do tại sao chương trình đào tạo rất quan trọng

Chọn C.

48 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Dùng "who" để thay thế cho danh từ chỉ người "the men" và làm chủ ngữ

Tạm dịch: Cảnh sát phải cố gắng truy đuổi người đàn ông lái xe nguy hiểm

Chọn A.

49 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Chỗ trống cần điền là đại từ sở hữu "whose"

Mẹo: N + ___ + N + V

Tạm dịch: Họ là những người mà căn nhà của họ bị phá hủy bởi lũ lụt

Chọn B.

50 (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Chỗ trống cần điền là đại từ sở hữu "whose"

Mẹo: N + ___ + N + V

Tạm dịch: Tôi đã đọc về những đứa trẻ mà cuộc sống của chúng đã được cứu bởi thú cứng

Chọn D.